

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 27-01-2022

*“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Cao Diễm.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Nguyễn Phát Triển;

Ông Nguyễn Thanh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Văn An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2021/TLST-DS, ngày 13/10/2021, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐST-DS ngày 21/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-DS, ngày 06/01/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Mai T, sinh năm: 1968. Địa chỉ: xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Huỳnh T, sinh năm 1984; Phạm M, sinh năm: 1984; Cùng địa chỉ: xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: khóm 4, TT Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai T trình bày:

Vào ngày 20/5/2021 bà T có cho ông t và vợ bà m vay số tiền 2.000.000.000 đồng có làm hợp đồng cho vay và tờ giấy nhận nợ cùng ngày, thời hạn vay là 20 ngày, lãi suất 1,2%/tháng, để đảm bảo cho khoản vay ông t, bà m có thuê chấp bà T 01 giấy chứng nhận QSD đất thửa 91, tờ bản đồ 24 do ông t đứng tên. Đến nay đã hết hạn trả tiền nhưng ông t, bà m không trả gốc và lãi cho bà T dù bà T đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông t, bà m vẫn không trả nợ đến khoảng tháng 12 năm 2021 đã trả được 500.000.000 đồng số còn lại đến nay chưa trả. Do đó bà T yêu cầu ông Huỳnh T; Phạm M cùng liên đới trả cho bà T số tiền vay vốn gốc 1.500.000.000đ và lãi 1,2%/tháng tính từ 20/5/2021 đến ngày 20/01/2022 là 8 tháng $\times 1.500.000.000đ \times 1,2\% = 144.000.000$ đồng trừ số tiền lãi bà T đã nhận 30.000.000đ còn lại 114.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.614.000.000 đồng. Bà T đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận QSD đất thửa 91, tờ bản đồ 24 cho Huỳnh T; Phạm M.

Bị đơn ông Huỳnh T, bà Phạm M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Cũng như không có văn bản ý kiến, phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng pháp luật.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Mai T khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh T, bà Phạm M trả tiền nợ vay, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Các đương sự cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Huỳnh T, bà Phạm M trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh T, bà Phạm M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh T, bà Phạm M.

[2] Về nội dung vụ án:

The yêu cầu ông Huỳnh T; Phạm M cùng liên đới trả cho bà T số tiền vay vốn gốc 1.500.000.000đ và lãi 1,2%/tháng tính từ 20/5/2021 đến ngày 20/01/2022 là 8 tháng x 1.500.000.000đ x 1,2% = 144.000.000 đồng trừ số tiền lãi bà T đã nhận 30.000.000đ còn lại 114.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.614.000.000 đồng. Bà T đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận QSD đất thửa 91, tờ bản đồ 24 cho Huỳnh T; Phạm M. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là 04 Giấy biên nhận tiền của số tiền 2.100.000 đồng, tại mục người nhận tiền có chữ ký tên và ghi họ tên Phan Thị Diệu Linh.

Xét qua lời trình bày và yêu cầu của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Huỳnh T, bà Phạm M không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không có văn bản ý kiến phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn, xem như bị đơn đã từ bỏ quyền phản bác của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết, có đủ cơ sở để xác định ông Huỳnh T, bà Phạm M nợ tiền vay bà Mai T số tiền 1.500.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Mai T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Bà Mai T đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 492303 số vào sổ cấp GCN: CS08420 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ký Thị Thu Xuân đã chuyển nhượng cho anh Huỳnh T ngày 20/5/2021 cho ông Huỳnh T, bà Phạm M nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

Đối với tiền lãi khi vay có thỏa thuận lãi xuất là 1,2%/tháng nhưng đến hạn trả nợ ông Huỳnh T, bà Phạm M không trả nên Mai T tính tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với lãi xuất 1,2%/tháng tính từ ngày 20/5/2021 đến ngày 20/01/2022 là 8 tháng x 1.500.000.000đ x 1,2% = 144.000.000 đồng trừ số tiền lãi bà T đã nhận 30.000.000đ còn lại 114.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu của Mai T là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 466 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi xuất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...”.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Mai T.
2. Buộc ông Huỳnh T, bà Phạm M liên đới trả cho bà Mai T tiền vốn vay là 1.500.000.000 đồng, lãi 114.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 1.614.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm mười bốn triệu đồng).
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
4. Bà Mai T đồng ý trả cho ông Huỳnh T, bà Phạm M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 492303 số vào sổ cấp GCN: CS08420 do Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ký Thị T đã chuyển nhượng cho anh Huỳnh T ngày 20/5/2021.

5. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Huỳnh T, bà Phạm M phải nộp 60.420.000 đồng (Sáu mươi triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Mai T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Mai T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 36.760.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0005779, ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/01/2022). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Cao Diễm